

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK2/2019-2020 QUA TK NGÂN HÀNG
Hệ Cao học

TT	Mã SV	Họ và tên	Mã khoa	Mã lớp	Nợ từ các kỳ trước	Phải nộp K2/19-20	Tổng phải nộp	Ghi chú
		Cao học K23						
1	16025001	Bùi Ngọc Anh	K16SDHCH	K23ATTT	7,950,000	7,950,000	15,900,000	
2	16025057	Nguyễn Vũ Linh	K16SDHCH	K23ATTT	7,950,000	7,950,000	15,900,000	
3	16025006	Đỗ Công Thành	K16SDHCH	K23ATTT	15,150,000	7,950,000	23,100,000	
4	16025009	Trần Thị Tươi	K16SDHCH	K23ATTT	16,590,000	7,950,000	24,540,000	
5	16025005	Lê Anh Sơn	K16SDHCH	K23ATTT	23,925,000	7,950,000	31,875,000	
6	16025055	Phạm Minh Đức	K16SDHCH	K23ATTT	26,895,000	7,950,000	34,845,000	
7	16025004	Nguyễn Trọng Nguyên	K16SDHCH	K23ATTT	30,387,000	7,950,000	38,337,000	
8	16025092	Đặng Hồng Quân	K16SDHCH	K23CĐT	19,470,000	7,950,000	27,420,000	
9	16025042	Nguyễn Mạnh Cường	K16SDHCH	K23ĐTVT	15,150,000	7,950,000	23,100,000	
10	16025043	Lương Minh Hải	K16SDHCH	K23ĐTVT	22,350,000	7,950,000	30,300,000	
11	16025086	Phan Đình Bắc	K16SDHCH	K23ĐTVT	41,220,000	7,950,000	49,170,000	
1	16025017	Trần Anh Dũng	K16SDHCH	K23HTTT	0	7,950,000	7,950,000	
2	16025021	Hoàng Đức Thọ	K16SDHCH	K23HTTT	0	7,950,000	7,950,000	
3	16025033	Đỗ Văn Việt	K16SDHCH	K23HTTT	0	7,950,000	7,950,000	
4	16025071	Nguyễn Tuấn Anh	K16SDHCH	K23HTTT	7,950,000	7,950,000	15,900,000	
5	16025066	Lê Xuân Lâm	K16SDHCH	K23HTTT	19,470,000	7,950,000	27,420,000	
6	16025020	Nguyễn Đình Phú	K16SDHCH	K23HTTT	22,350,000	7,950,000	30,300,000	
7	16025030	Đặng Văn Hoạch	K16SDHCH	K23HTTT	28,875,000	7,950,000	36,825,000	
8	16025025	Phạm Văn Thế Anh	K16SDHCH	K23HTTT	29,487,000	7,950,000	37,437,000	
9	16025019	Văn Thị Nhất	K16SDHCH	K23HTTT	30,099,000	7,950,000	38,049,000	
10	16025027	Nguyễn Duy Cường	K16SDHCH	K23HTTT	30,774,000	7,950,000	38,724,000	
11	16025018	Nguyễn Minh Hòa	K16SDHCH	K23HTTT	35,400,000	7,950,000	43,350,000	
12	16025065	Nguyễn Anh Dũng	K16SDHCH	K23HTTT	37,416,000	7,950,000	45,366,000	
13	16025031	Đình Quang Hồng	K16SDHCH	K23HTTT	43,545,000	7,950,000	51,495,000	
14	16025075	Nguyễn Đức Anh	K16SDHCH	K23KHMT	16,590,000	7,950,000	24,540,000	
15	16025081	Nguyễn Đình Mạnh	K16SDHCH	K23KHMT	19,470,000	7,950,000	27,420,000	
16	16025038	Đoàn Văn Mạnh	K16SDHCH	K23KHMT	28,875,000	7,950,000	36,825,000	
17	16025063	Trần Ngọc Thanh	K16SDHCH	K23KTPM	7,950,000	7,950,000	15,900,000	
18	16025015	Nguyễn Văn Thiệu	K16SDHCH	K23KTPM	16,050,000	7,950,000	24,000,000	
19	16025013	Lã Thị Hường	K16SDHCH	K23KTPM	16,500,000	7,950,000	24,450,000	
20	16025062	Nguyễn Duy Quang	K16SDHCH	K23KTPM	20,370,000	7,950,000	28,320,000	
21	16025011	Trần Thị Hoan	K16SDHCH	K23KTPM	23,700,000	7,950,000	31,650,000	
22	16025059	Phạm Đức Bình	K16SDHCH	K23KTPM	24,132,000	7,950,000	32,082,000	
23	16025058	Phạm Tuấn Anh	K16SDHCH	K23KTPM	28,020,000	7,950,000	35,970,000	
24	16025012	Nguyễn Mạnh Hùng	K16SDHCH	K23KTPM	28,875,000	7,950,000	36,825,000	
25	16025067	Đỗ Thị Diệu Huyền	K16SDHCH	K23TDL-MMT	20,820,000	7,950,000	28,770,000	
26	16025068	Đỗ Thành Long	K16SDHCH	K23TDL-MMT	22,350,000	7,950,000	30,300,000	
27	16025094	Nguyễn Thị Thanh Bình	K16SDHCH	K23VLKT	32,520,000	7,950,000	40,470,000	
28	16025096	Bùi Phạm Huy Hoàng	K16SDHCH	K23VLKT	32,520,000	7,950,000	40,470,000	
		Cao học K24						

29	17025069	Bùi Văn Minh	K17SDHCH	K24ATTT	4,770,000	7,950,000	12,720,000
30	17025001	Lã Xuân Kiên	K17SDHCH	K24ATTT	8,694,000	7,950,000	16,644,000
31	17025128	Trịnh Tuấn Dương	K17SDHCH	K24CĐT	15,056,000	7,950,000	23,006,000
32	17025120	Nguyễn Khâm Hồng Quang	K17SDHCH	K24ĐTVT	0	7,950,000	7,950,000
33	17025122	Vũ Minh Thoại	K17SDHCH	K24ĐTVT	4,770,000	7,950,000	12,720,000
34	17025126	Hà Thế Luân	K17SDHCH	K24ĐTVT	4,770,000	7,950,000	12,720,000
35	17025116	Nguyễn Văn Luật	K17SDHCH	K24ĐTVT	5,514,000	7,950,000	13,464,000
36	17025117	Nguyễn Văn Nam	K17SDHCH	K24ĐTVT	25,695,000	7,950,000	33,645,000
37	17025119	Trần Minh Nhân	K17SDHCH	K24ĐTVT	25,695,000	7,950,000	33,645,000
38	17025124	Nguyễn Hữu Giang	K17SDHCH	K24ĐTVT	25,695,000	7,950,000	33,645,000
39	17025115	Dương Hồng Hà	K17SDHCH	K24ĐTVT	26,919,000	7,950,000	34,869,000
40	17025118	Nguyễn Trọng Nghĩa	K17SDHCH	K24ĐTVT	30,609,000	7,950,000	38,559,000
41	17025067	Nguyễn Trọng Hưng	K17SDHCH	K24ĐTVT	32,547,000	7,950,000	40,497,000
42	17025075	Nguyễn Việt Dũng	K17SDHCH	K24HTTT	0	7,950,000	7,950,000
43	17025081	Lã Thị Thanh Nga	K17SDHCH	K24HTTT	0	7,950,000	7,950,000
44	17025082	Nguyễn Anh Ngọc	K17SDHCH	K24HTTT	0	7,950,000	7,950,000
45	17025084	Nguyễn Thị Quỳnh	K17SDHCH	K24HTTT	0	7,950,000	7,950,000
46	17025079	Vũ Mạnh Cường	K17SDHCH	K24HTTT	2,480,000	7,950,000	10,430,000
47	17025133	Nguyễn Thị Liên	K17SDHCH	K24HTTT	3,180,000	7,950,000	11,130,000
48	17025076	Hà Thị Hào	K17SDHCH	K24HTTT	4,770,000	7,950,000	12,720,000
49	17025083	Hoàng Xuân Phương	K17SDHCH	K24HTTT	4,770,000	7,950,000	12,720,000
50	17025085	Lưu Quang Thắng	K17SDHCH	K24HTTT	4,770,000	7,950,000	12,720,000
51	17025018	Tạ Văn Đức	K17SDHCH	K24HTTT	7,950,000	7,950,000	15,900,000
52	17025025	Nguyễn Hữu Lương	K17SDHCH	K24HTTT	7,950,000	7,950,000	15,900,000
53	17025040	Đỗ Thanh Tuyền	K17SDHCH	K24HTTT	7,950,000	7,950,000	15,900,000
54	17025088	Phan Văn Việt	K17SDHCH	K24HTTT	15,570,000	7,950,000	23,520,000
55	17025009	Lâm Tăng Doan	K17SDHCH	K24HTTT	15,825,000	7,950,000	23,775,000
56	17025011	Nguyễn Quang Hưng	K17SDHCH	K24HTTT	16,725,000	7,950,000	24,675,000
57	17025010	Phạm Văn Đắc	K17SDHCH	K24HTTT	17,400,000	7,950,000	25,350,000
58	17025021	Nguyễn Đắc Huy	K17SDHCH	K24HTTT	18,525,000	7,950,000	26,475,000
59	17025035	Lê Thành Thiện	K17SDHCH	K24HTTT	18,525,000	7,950,000	26,475,000
60	17025039	Lê Văn Trọng	K17SDHCH	K24HTTT	24,876,000	7,950,000	32,826,000
61	17025038	Lại Thị Huyền Trang	K17SDHCH	K24HTTT	29,487,000	7,950,000	37,437,000
62	17025014	Nguyễn Quang Dũng	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
63	17025015	Đỗ Hoàng Dương	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
64	17025016	Vũ Ngọc Đăng	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
65	17025019	Bùi Văn Hà	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
66	17025024	Nguyễn Thái Lâm	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
67	17025026	Phan Xuân Lượng	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
68	17025027	Thang Tiến Mạnh	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
69	17025029	Nguyễn Quang Ninh	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
70	17025030	Ngô Tiến Quân	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
71	17025034	Nguyễn Mạnh Thắng	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
72	17025037	Nguyễn Đăng Tiệp	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
73	17025041	Ngô Mạnh Tường	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
74	17025042	Lê Như ý	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,950,000	38,994,000
75	17025017	Nguyễn Công Đạo	K17SDHCH	K24HTTT	31,323,000	7,950,000	39,273,000
76	17025060	Lê Thị Thanh Vân	K17SDHCH	K24KHMT	0	7,950,000	7,950,000

77	17025063	Nguyễn Thị Hải Yến	K17SDHCH	K24KHMT	0	7,950,000	7,950,000	
78	17025096	Trịnh Xuân Đồng	K17SDHCH	K24KHMT	0	7,950,000	7,950,000	
79	17025098	Đào Văn Hải	K17SDHCH	K24KHMT	0	7,950,000	7,950,000	
80	17025103	Phạm Nhật Linh	K17SDHCH	K24KHMT	0	7,950,000	7,950,000	
81	17025107	Nguyễn Hồng Thanh	K17SDHCH	K24KHMT	1,488,000	7,950,000	9,438,000	
82	17025058	Lê Đỗ Tân	K17SDHCH	K24KHMT	3,180,000	7,950,000	11,130,000	
83	17025110	Lê Xuân Tùng	K17SDHCH	K24KHMT	4,770,000	7,950,000	12,720,000	
84	17025097	Kiều Minh Đức	K17SDHCH	K24KHMT	7,002,000	7,950,000	14,952,000	
85	17025104	Trần Tuấn Linh	K17SDHCH	K24KHMT	7,002,000	7,950,000	14,952,000	
86	17025111	Hà Đức Văn	K17SDHCH	K24KHMT	7,002,000	7,950,000	14,952,000	
87	17025045	Hoàng Anh Dũng	K17SDHCH	K24KHMT	7,950,000	7,950,000	15,900,000	
88	17025052	Trần Ngọc Linh	K17SDHCH	K24KHMT	7,950,000	7,950,000	15,900,000	
89	17025061	Đình Văn Việt	K17SDHCH	K24KHMT	7,950,000	7,950,000	15,900,000	
90	17025062	Hà Thị Hải Yến	K17SDHCH	K24KHMT	8,625,000	7,950,000	16,575,000	
91	17025056	Nguyễn Minh Sơn	K17SDHCH	K24KHMT	12,414,000	7,950,000	20,364,000	
92	17025101	Nguyễn Mạnh Hùng	K17SDHCH	K24KHMT	13,995,000	7,950,000	21,945,000	
93	17025106	Nguyễn Quang Nam	K17SDHCH	K24KHMT	14,739,000	7,950,000	22,689,000	
94	17025048	Phan Hưng Hà	K17SDHCH	K24KHMT	16,500,000	7,950,000	24,450,000	
95	17025064	Phạm Thị Hải Yến	K17SDHCH	K24KHMT	16,500,000	7,950,000	24,450,000	
96	17025047	Nguyễn Văn Định	K17SDHCH	K24KHMT	17,850,000	7,950,000	25,800,000	
97	17025049	Vũ Hữu Huân	K17SDHCH	K24KHMT	19,425,000	7,950,000	27,375,000	
98	17025057	Đông Văn Tài	K17SDHCH	K24KHMT	21,225,000	7,950,000	29,175,000	
99	17025044	Lại Đức Chung	K17SDHCH	K24KHMT	20,169,000	9,438,000	29,607,000	
100	17025043	Đỗ Minh Cảnh	K17SDHCH	K24KHMT	22,350,000	7,950,000	30,300,000	
101	17025095	Kiều Hải Đăng	K17SDHCH	K24KHMT	25,695,000	7,950,000	33,645,000	
102	17025102	Vũ Trung Kiên	K17SDHCH	K24KHMT	25,695,000	7,950,000	33,645,000	
103	17025108	Trác Quang Thịnh	K17SDHCH	K24KHMT	25,695,000	7,950,000	33,645,000	
104	17025050	Ngô Quang Hùng	K17SDHCH	K24KHMT	25,725,000	7,950,000	33,675,000	
105	17025046	Phạm Văn Diệp	K17SDHCH	K24KHMT	25,950,000	7,950,000	33,900,000	
106	17025055	Nguyễn Văn Phong	K17SDHCH	K24KHMT	32,139,000	7,950,000	40,089,000	
107	17025008	Phạm Văn Trường	K17SDHCH	K24KTPM	0	7,950,000	7,950,000	
108	17025071	Bùi Thanh Hoa	K17SDHCH	K24KTPM	0	9,438,000	9,438,000	
109	17025072	Phùng Thị Hương	K17SDHCH	K24KTPM	4,770,000	7,950,000	12,720,000	
110	17025006	Nguyễn Minh Hằng	K17SDHCH	K24KTPM	11,670,000	10,926,000	22,596,000	
111	17025074	Nguyễn Anh Tuấn	K17SDHCH	K24KTPM	19,845,000	7,950,000	27,795,000	
112	17025004	Phí Bá Chiến	K17SDHCH	K24KTPM	19,875,000	7,950,000	27,825,000	
113	17025005	Kiều Đức Hạnh	K17SDHCH	K24KTPM	22,332,000	7,950,000	30,282,000	
		Cao học K25						
114	18025041	Đỗ Đức Tâm	K18SDHCH	K25ATTT	7,950,000	7,950,000	15,900,000	
115	18025001	Hoàng Trọng Hiếu	K18SDHCH	K25ATTT	17,895,000	7,950,000	25,845,000	
116	18025042	Nguyễn Tuấn Anh	K18SDHCH	K25ATTT	20,550,000	7,950,000	28,500,000	
117	18025046	Đình Thu Giang	K18SDHCH	K25ATTT	20,550,000	7,950,000	28,500,000	
118	18025043	Phạm Tuấn Anh	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,950,000	32,964,000	
119	18025044	Hoàng Văn Dũng	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,950,000	32,964,000	
120	18025045	Phạm Tiến Dũng	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,950,000	32,964,000	
121	18025047	Trần Thọ Hoàng	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,950,000	32,964,000	
122	18025048	Nguyễn Tiến Mạnh	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,950,000	32,964,000	
123	18025049	Nguyễn Thị Quyền	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,950,000	32,964,000	

124	18025050	Lê Thanh Tùng	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,950,000	32,964,000
125	18025051	Phạm Thế Vĩnh	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,950,000	32,964,000
126	18025078	Nghiêm Văn Tú	K18SDHCH	K25CĐT	0	7,950,000	7,950,000
127	18025076	Khuất Duy Huy	K18SDHCH	K25CĐT	8,694,000	7,950,000	16,644,000
128	18025077	Đặng Thế Linh	K18SDHCH	K25CĐT	8,694,000	7,950,000	16,644,000
129	18025074	Trần Thị Thanh Huyền	K18SDHCH	K25CKT	0	7,950,000	7,950,000
130	18025075	Hoàng Ngọc Quý	K18SDHCH	K25CKT	0	7,950,000	7,950,000
131	18025040	Khuất Thanh Sơn	K18SDHCH	K25HTTT	0	7,950,000	7,950,000
132	18025006	Đỗ Hồng Giang	K18SDHCH	K25HTTT	3,224,000	9,438,000	12,662,000
133	18025014	Phan Thanh Sang	K18SDHCH	K25HTTT	16,320,000	7,950,000	24,270,000
134	18025009	Nguyễn Mạnh Hưng	K18SDHCH	K25HTTT	19,020,000	7,950,000	26,970,000
135	18025010	Trần Văn Khánh	K18SDHCH	K25HTTT	19,020,000	7,950,000	26,970,000
136	18025020	Phùng Lê Thanh Tùng	K18SDHCH	K25HTTT	19,020,000	7,950,000	26,970,000
137	18025017	Đặng Quốc Trung	K18SDHCH	K25HTTT	20,370,000	7,950,000	28,320,000
138	18025011	Nguyễn Triều Lăng	K18SDHCH	K25HTTT	21,720,000	7,950,000	29,670,000
139	18025018	Hà Minh Tuấn	K18SDHCH	K25HTTT	21,720,000	7,950,000	29,670,000
140	18025019	Tạ Mạnh Tuấn	K18SDHCH	K25HTTT	21,720,000	7,950,000	29,670,000
141	18025002	Nguyễn Công Chiến	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,950,000	32,646,000
142	18025003	Đỗ Đức Cường	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,950,000	32,646,000
143	18025004	Nguyễn Thanh Cường	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,950,000	32,646,000
144	18025005	Nguyễn Đức Đông	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,950,000	32,646,000
145	18025007	Nguyễn Hữu Hải	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,950,000	32,646,000
146	18025008	Nguyễn Thị Huyền	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,950,000	32,646,000
147	18025012	Đào Đại Nghĩa	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,950,000	32,646,000
148	18025013	Phạm Minh Nguyên	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,950,000	32,646,000
149	18025015	Nguyễn Công Thắng	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,950,000	32,646,000
150	18025016	Nguyễn Huy Tinh	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,950,000	32,646,000
151	18025021	Nguyễn Tiến Uy	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,950,000	32,646,000
152	18025052	Bùi Trung Anh	K18SDHCH	K25KHMT	0	7,950,000	7,950,000
153	18025029	Lưu Hoàng Tùng	K18SDHCH	K25KHMT	1,488,000	7,950,000	9,438,000
154	18025055	Bùi Quang Cường	K18SDHCH	K25KHMT	1,488,000	7,950,000	9,438,000
155	18025061	Trần Minh Tuấn	K18SDHCH	K25KHMT	1,488,000	7,950,000	9,438,000
156	18025027	Nguyễn Đức Trung	K18SDHCH	K25KHMT	2,232,000	7,950,000	10,182,000
157	18025057	Trương Ngọc Kiên	K18SDHCH	K25KHMT	2,232,000	7,950,000	10,182,000
158	18025059	Trần Công Nam	K18SDHCH	K25KHMT	3,224,000	7,950,000	11,174,000
159	18025053	Nguyễn Văn Công	K18SDHCH	K25KHMT	9,438,000	7,950,000	17,388,000
160	18025054	Phan Đoàn Cương	K18SDHCH	K25KHMT	11,174,000	7,950,000	19,124,000
161	18025028	Nguyễn Anh Tú	K18SDHCH	K25KHMT	10,926,000	9,438,000	20,364,000
162	18025023	Nguyễn Văn Đan	K18SDHCH	K25KHMT	16,995,000	7,950,000	24,945,000
163	18025025	Đỗ Huy Quang	K18SDHCH	K25KHMT	13,158,000	12,414,000	25,572,000
164	18025022	Hoàng Tuấn Anh	K18SDHCH	K25KHMT	17,670,000	7,950,000	25,620,000
165	18025026	Đặng Minh Thắng	K18SDHCH	K25KHMT	17,895,000	7,950,000	25,845,000
166	18025072	Phạm Tiến Thành	K18SDHCH	K25KTDT	1,488,000	7,950,000	9,438,000
167	18025034	Trần Văn Việt	K18SDHCH	K25KTDT	7,950,000	7,950,000	15,900,000
168	18025033	Cung Văn Trang	K18SDHCH	K25KTDT	9,438,000	7,950,000	17,388,000
169	18025070	Nguyễn Như Cường	K18SDHCH	K25KTDT	9,438,000	7,950,000	17,388,000
170	18025035	Nguyễn Thị Hoàng Yến	K18SDHCH	K25KTDT	10,430,000	7,950,000	18,380,000
171	18025071	Trương Việt Phương	K18SDHCH	K25KTDT	10,926,000	7,950,000	18,876,000

172	18025032	Đậu Hồng Quân	K18SDHCH	K25KTDT	16,821,000	7,950,000	24,771,000
173	18025031	Nguyễn Tuấn Linh	K18SDHCH	K25KTDT	19,245,000	7,950,000	27,195,000
174	18025069	Nguyễn Đăng Chiến	K18SDHCH	K25KTDT	22,125,000	7,950,000	30,075,000
175	18025037	Phạm Quang Hiến	K18SDHCH	K25KTPM	1,488,000	7,950,000	9,438,000
176	18025062	Lê Thế Huy	K18SDHCH	K25KTPM	2,232,000	7,950,000	10,182,000
177	18025065	Chu Thừa Vũ	K18SDHCH	K25KTPM	2,232,000	7,950,000	10,182,000
178	18025038	Bùi Ngọc Quang	K18SDHCH	K25KTPM	2,480,000	7,950,000	10,430,000
179	18025036	Lê Minh Đức	K18SDHCH	K25KTPM	2,976,000	7,950,000	10,926,000
180	18025063	Trần Thu Trang	K18SDHCH	K25KTPM	9,438,000	7,950,000	17,388,000
181	18025064	Nguyễn Mạnh Tuấn	K18SDHCH	K25KTPM	13,158,000	9,438,000	22,596,000
182	18025073	Dương Ngọc Sơn	K18SDHCH	K25KTVT	2,232,000	7,950,000	10,182,000
183	18025066	Nguyễn Khắc Hưng	K18SDHCH	K25MMT-TTDL	0	7,950,000	7,950,000
184	18025039	Nguyễn Tuấn Anh	K18SDHCH	K25QLHTTT	9,686,000	7,950,000	17,636,000
185	18025068	Phùng Quang Luyện	K18SDHCH	K25QLHTTT	10,926,000	7,950,000	18,876,000
186	18025067	Nguyễn Quỳnh Dương	K18SDHCH	K25QLHTTT	24,270,000	7,950,000	32,220,000
187	18025079	Trần Văn Hiệp	K18SDHCH	K25VL-LKNN	0	7,950,000	7,950,000
188	18025080	Trần Đức Huy	K18SDHCH	K25VL-LKNN	0	7,950,000	7,950,000
189	18025081	Nguyễn Ngọc Huyền	K18SDHCH	K25VL-LKNN	0	7,950,000	7,950,000
190	18025082	Nguyễn Việt Hùng	K18SDHCH	K25VL-LKNN	7,950,000	7,950,000	15,900,000
		Cao học K26					
191	19025018	Trần Tuấn Minh	K19SDHCH	K26ATTT	3,224,000	7,950,000	11,174,000
192	19025019	Nguyễn Công Thao	K19SDHCH	K26ATTT	3,720,000	7,950,000	11,670,000
193	19025017	Nguyễn Khuyến	K19SDHCH	K26ATTT	3,968,000	7,950,000	11,918,000
194	19025001	Nguyễn Văn Tiến	K19SDHCH	K26ATTT	4,470,000	7,950,000	12,420,000
195	19025048	Nguyễn Hữu Đại	K19SDHCH	K26CĐT	11,174,000	7,950,000	19,124,000
196	19025049	Nguyễn Cảnh Thắng	K19SDHCH	K26CĐT	11,174,000	7,950,000	19,124,000
197	19025003	Dương Tuấn Nhật	K19SDHCH	K26HTTT	3,968,000	7,950,000	11,918,000
198	19025023	Phan Thị May	K19SDHCH	K26HTTT	3,968,000	7,950,000	11,918,000
199	19025002	Phạm Gia Huy	K19SDHCH	K26HTTT	6,950,000	7,950,000	14,900,000
200	19025006	Nguyễn Hoàng Quân	K19SDHCH	K26KHMT	0	7,950,000	7,950,000
201	19025009	Nguyễn Tiến Việt	K19SDHCH	K26KHMT	992,000	7,950,000	8,942,000
202	19025005	Nguyễn Thành Nhân	K19SDHCH	K26KHMT	2,232,000	7,950,000	10,182,000
203	19025007	Ngô Xuân Trường	K19SDHCH	K26KHMT	2,232,000	7,950,000	10,182,000
204	19025004	Nguyễn Văn Hiếu	K19SDHCH	K26KHMT	2,976,000	7,950,000	10,926,000
205	19025008	Bùi Ngọc Tùng	K19SDHCH	K26KHMT	2,976,000	7,950,000	10,926,000
206	19025027	Lã Đức Chính	K19SDHCH	K26KHMT	2,976,000	7,950,000	10,926,000
207	19025010	Đỗ Như Vỹ	K19SDHCH	K26KHMT	3,720,000	7,950,000	11,670,000
208	19025026	Nguyễn Tuấn Anh	K19SDHCH	K26KHMT	3,720,000	7,950,000	11,670,000
209	19025029	Nguyễn Quang Minh	K19SDHCH	K26KHMT	3,720,000	7,950,000	11,670,000
210	19025033	Nguyễn Thị Thu Trang	K19SDHCH	K26KHMT	3,720,000	7,950,000	11,670,000
211	19025025	Nguyễn Hoàng Anh	K19SDHCH	K26KHMT	3,968,000	7,950,000	11,918,000
212	19025028	Trần Xuân Đạt	K19SDHCH	K26KHMT	3,968,000	7,950,000	11,918,000
213	19025030	Nguyễn Hữu Quang	K19SDHCH	K26KHMT	3,968,000	7,950,000	11,918,000
214	19025031	Văn Đăng Sơn	K19SDHCH	K26KHMT	3,968,000	7,950,000	11,918,000
215	19025035	Nguyễn Hoàng Tuấn	K19SDHCH	K26KHMT	3,968,000	7,950,000	11,918,000
216	19025024	Triệu Hoàng An	K19SDHCH	K26KHMT	4,414,000	7,950,000	12,364,000
217	19025032	Lương Thị Kim Thoa	K19SDHCH	K26KHMT	4,464,000	7,950,000	12,414,000
218	19025034	Nguyễn Đình Tuấn	K19SDHCH	K26KHMT	4,712,000	7,950,000	12,662,000

219	19025042	Nguyễn Thu Hằng	K19SDHCH	K26KTĐT	3,720,000	7,950,000	11,670,000
220	19025015	Phan Hoàng Anh	K19SDHCH	K26KTĐT	4,712,000	7,950,000	12,662,000
221	19025016	Vũ Đình Ngọc	K19SDHCH	K26KTĐT	4,712,000	7,950,000	12,662,000
222	19025043	Vương Quang Huy	K19SDHCH	K26KTĐT	4,712,000	7,950,000	12,662,000
223	19025044	Nguyễn Đức Thắng	K19SDHCH	K26KTĐT	4,712,000	7,950,000	12,662,000
224	19025045	Vũ Minh Trung	K19SDHCH	K26KTĐT	4,712,000	7,950,000	12,662,000
225	19025037	Nguyễn Văn Hiệp	K19SDHCH	K26KTPM	3,720,000	7,950,000	11,670,000
226	19025038	Đặng Tiến Long	K19SDHCH	K26KTPM	3,720,000	7,950,000	11,670,000
227	19025039	Mai Thanh Minh	K19SDHCH	K26KTPM	3,720,000	7,950,000	11,670,000
228	19025036	Đào Xuân Đông	K19SDHCH	K26KTPM	4,712,000	7,950,000	12,662,000
229	19025011	Trần Xuân Tình	K19SDHCH	K26KTPM	5,214,000	7,950,000	13,164,000
230	19025012	Nguyễn Quốc Trịnh	K19SDHCH	K26KTPM	5,214,000	7,950,000	13,164,000
231	19025013	Lâm Văn Tùng	K19SDHCH	K26KTPM	5,214,000	7,950,000	13,164,000
232	19025046	Doãn Mạnh Duy	K19SDHCH	K26KTVT	4,712,000	7,950,000	12,662,000
233	19025040	Nguyễn Quang Huy	K19SDHCH	K26MMT	3,968,000	7,950,000	11,918,000
234	19025041	Nguyễn Trọng Sinh	K19SDHCH	K26MMT	3,968,000	7,950,000	11,918,000
235	19025014	Lưu Văn Quỳnh	K19SDHCH	K26MMT-TTDL	4,464,000	7,950,000	12,414,000
236	19025051	La Văn Năm	K19SDHCH	K26VL-LKNN	2,480,000	7,950,000	10,430,000